

KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019
SỞ GD&ĐT CẦN THƠ

BẢNG GHI THÔNG TIN XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Số thứ tự	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Mã trường_Tên trường	Xếp loại		Điểm số các bài thi										Điểm khuyến khích	Điểm TB lớp 12	Diện xét TN	Điểm xét tốt nghiệp	Kết quả thi		Ghi chú (mọi sửa chữa trong bảng phải được Chủ tịch Hội đồng thi ký xác nhận)
								HK	HL	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Bài thi tổ hợp	Tên bài tổ hợp	Điểm môn thi thành phần bài tổ hợp									Đỗ (Đ)	Hàng (H)	
1	092301006117	LƯƠNG TRƯỜNG AN	Nữ	07/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	6.6	8	5.8	6.67	KHXH	SU:6.50	DI:7.25	GD:6.25			8,1	1	7.17	x			
2	092201003155	HOÀNG PHƯỚC ANH	Nam	30/09/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8	7	5.8	6.08	KHTN	LI:6.50	HO:6.50	SI:5.25			8,2	1	7.16	x			
3	364061111	HỒ VĂN ANH	Nữ	04/02/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.4	9	6.8	7.25	KHTN	LI:6	HO:8.25	SI:7.50	1		8,9	1	8.35	x			
4	092201002418	LÊ HOÀNG ANH	Nam	22/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	6.6	7	8.2	4.67	KHTN	LI:6.25	HO:3	SI:4.75			7,3	1	6.82	x			
5	092201003390	LÊ NGUYỄN NHỰT ANH	Nam	09/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	5.2	8	6.4	4.92	KHTN	LI:5	HO:5	SI:4.75	1		7,7	1	6.78	x			
6	086301000152	LÝ BÁCH DUYỄN ANH	Nữ	18/03/2001	VĨNH LONG	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	6.4	8.5	4.4	7.42	KHXH	SU:7.25	DI:8	GD:7			7,6	1	6.96	x			
7	092201003213	LÝ ĐỨC ANH	Nam	16/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	8.2	7	8.8	4.83	KHTN	LI:2	HO:8.50	SI:4			8	1	7.45	x			
8	092301001515	PHẠM NGỌC ANH	Nữ	18/09/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.8	8.75	6.4	7.08	KHTN	LI:7.75	HO:7	SI:6.50			8,7	1	7.87	x			
9	092301005844	TRẦN NGÔ QUỲNH ANH	Nữ	27/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	6.4	7.25	9	6.92	KHXH	SU:5.50	DI:6.50	GD:8.75			8,3	1	7.66	x			
10	092301001265	PHAN NGUYỄN NGỌC	Nữ	21/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7	8.75	9	7	KHXH	SU:6	DI:7.25	GD:7.75			8,6	1	8.14	x			
11	092301005516	NGUYỄN VÕ THIÊN AN	Nữ	22/10/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7	8.5	10	6	KHTN	LI:5.50	HO:6.50	SI:6	1,5		9,2	1	8.54	x			
12	092301002385	NGUYỄN THỊ MỸ ẬU	Nữ	10/02/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.4	8.25	6	6.25	KHTN	LI:7.25	HO:6	SI:5.50	2		8,8	1	7.87	x			
13	092301001119	PHÙNG THÁI BÌNH	Nữ	04/10/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.4	7.5	10	6.17	KHTN	LI:6	HO:5.25	SI:7.25			8,5	1	7.99	x			
14	089201000148	TRƯƠNG QUỐC BÌNH	Nam	05/11/2001	AN GIANG	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.4	6.42	7.6	5.42	KHTN	LI:5.50	HO:5.25	SI:5.50			8,1	1	7.13	x			
15	092301003733	BÙI DƯƠNG GIA CẨM	Nữ	02/08/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.2	7	4	6.92	KHTN	LI:5.25	HO:7.75	SI:7.75	2		8,6	1	7.50	x			
16	086301000063	NGUYỄN HOÀNG MINH	Nữ	02/07/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.8	7.5	8.6	7.17	KHTN	LI:7.75	HO:6.50	SI:7.25	1,5		8,9	1	8.37	x			
17	092301003337	NGUYỄN MINH CHÂU	Nữ	05/08/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	5.6	6.5	9.2	6	KHXH	SU:4.25	DI:6.75	GD:7			7,1	1	6.91	x			
18	092301003631	NGUYỄN KHÁNH CHI	Nữ	28/10/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.8	8.75	10	7.5	KHXH	SU:7.25	DI:6.75	GD:8.50			8	1	8.36	x			
19	092301005424	TRẦN THỊ THUY DUNG	Nữ	21/12/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.4	9.25	9.4	7.75	KHXH	SU:6	DI:8	GD:9.25	1		9,1	1	9	x			
20	092301003898	DƯƠNG THỊ TRIỀU DUY	Nữ	16/11/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7.8	5.5	7.2	5.83	KHTN	LI:7.50	HO:5	SI:5			8	1	7.01	x			
21	364061106	ĐẶNG NGỌC TÙNG DUY	Nam	13/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8	6.25	7.6	5.83	KHTN	LI:5.25	HO:6.50	SI:5.75	1,5		8,8	1	7.75	x			
22	092201002734	PHẠNG BẢO DUY	Nam	13/12/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9.6	6.5	4.4	6.17	KHTN	LI:7.25	HO:5.50	SI:5.75			8,3	1	7.16	x			
23	092201002870	TRẦN VĨNH DUY	Nam	15/06/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.4	6.5	5.4	7.67	KHTN	LI:6.75	HO:8.50	SI:7.75	1,5		8,4	1	7.68	x			
24	091301000033	ĐINH THỦY DƯƠNG	Nữ	10/09/2001	KIÊN GIANG	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.6	6.5	6.8	6.83	KHTN	LI:5.25	HO:7.25	SI:8			8,6	1	7.61	x			
25	092201006808	TRƯƠNG TÂN DƯƠNG	Nam	04/09/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7.8	7	6.4	4.08	KHTN	LI:5.25	HO:2.25	SI:4.75	1		7,5	1	6.85	x			
26	335011099	DƯ PHẤT ĐẠT	Nam	20/11/2001	TRÀ VINH	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.2	8.5	5.4	6.33	KHTN	LI:4.75	HO:7	SI:7.25			8	1	7.20	x			
27	092201001821	HÀ TIẾN ĐẠT	Nam	01/12/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9.2	6.25	9.8	6.67	KHTN	LI:8.50	HO:5.25	SI:6.25	1		9,1	1	8.49	x			
28	092201005390	TRẦN ĐOÀN QUỐC ĐẠT	Nam	18/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7.2	6.5	6.2	4.5	KHTN	LI:6.75	HO:3.25	SI:3.50			7,3	1	6.46	x			
29	092201003465	VŨ TẤN ĐẠT	Nam	16/04/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.2	6.5	8.6	6.42	KHTN	LI:5	HO:7.50	SI:6.75			8,9	2	8.12	x			
30	092201003446	NGUYỄN ĐĂNG	Nam	25/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	6.4	6.25	7.6	6.33	KHTN	LI:6.75	HO:7.25	SI:5			7,7	1	6.96	x			
31	092201007926	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	04/12/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	K	K	6.8	8	7.6	5.58	KHTN	LI:4.25	HO:7.25	SI:5.25	1,5		7,5	1	7.41	x			
32	089201000084	LÊ PHÚC ĐỨC	Nam	30/03/2001	AN GIANG	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.6	7.75	8.8	7	KHTN	LI:6	HO:8.50	SI:6.50			8,6	1	8.21	x			
33	092201006611	NGUYỄN HOÀNG GIA	Nam	05/09/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9.4	6.25	10	7.25	KHTN	LI:7	HO:7.50	SI:7.25			8,7	1	8.37	x			
34	092301005724	HUYỀN NGỌC NGÂN HÀ	Nữ	31/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.2	8.5	9	5.25	KHTN	LI:6	HO:5.50	SI:4.25			8,6	1	7.82	x			
35	381932594	LẠI NGUYỄN HẢI HÀ	Nữ	30/07/2001	CÀ MAU	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9	6.75	5.2	6.67	KHTN	LI:4.25	HO:8	SI:7.75			8,2	1	7.29	x			
36	331878708	LÊ KHÁNH HÀ	Nữ	13/08/2001	VĨNH LONG	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.8	6.75	8.4	7.92	KHTN	LI:7	HO:8.25	SI:8.50			9,3	1	8.37	x			
37	092301000688	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	Nữ	30/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	6.8	8.5	6	7.67	KHXH	SU:7.50	DI:7.25	GD:8.25			8,1	1	7.50	x			
38	092301004412	HUYỀN NGUYỄN	Nữ	19/08/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	K	K	8.4	6.5	8.8	5.58	KHTN	LI:4	HO:8.50	SI:4.25			7,9	1	7.49	x			
39	092201004384	DƯƠNG NAM HẢI	Nam	29/09/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.2	7.25	9.2	6.25	KHTN	LI:7.25	HO:6.50	SI:5	1		9	1	8.28	x			
40	092201000064	NGUYỄN THIÊN HẢI	Nam	17/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.6	8.5	7	7.42	KHTN	LI:7	HO:7.75	SI:7.50			8,8	1	8.16	x			
41	092301002814	PHẠM THỊ MỸ HANH	Nữ	06/10/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	6.8	7.5	8.8	5.08	KHTN	LI:5.75	HO:4.25	SI:5.25			7,8	1	7.27	x			
42	092301003171	NGUYỄN THÚY HẰNG	Nữ	28/10/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.2	7.5	5.2	6.42	KHTN	LI:4.75	HO:7.50	SI:7			8,1	1	7.04	x			
43	089301000003	NGUYỄN PHAN NGỌC	Nữ	15/06/2001	AN GIANG	Hoa	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	5.2	8.25	4.2	7.67	KHXH	SU:7.25	DI:8	GD:7.75	1		8	2	7.26	x			
44	092301005986	NGUYỄN THỊ HOÀNG	Nữ	12/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	6	8.42	5.2	7.75	KHXH	SU:8.50	DI:7	GD:7.75	1		8,7	1	7.57	x			
45	092301003313	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	23/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.6	7.5	5	6.67	KHTN	LI:4.50	HO:7.25	SI:8.25	1,5		8,4	1	7.64	x			
46	036301006299	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	16/07/2001	NAM ĐỊNH	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7.4	6.75	5.8	4.33	KHTN	LI:3.50	HO:5.75	SI:3.75			7,9	1	6.62	x			
47	093201000014	VŨ PHAN MINH HIỀN	Nam	15/08/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	8	6.5	8.6	5.25	KHTN	LI:7.75	HO:4.25	SI:3.75			8	1	7.36	x			
48	364074701	LƯU GIA HIỆP	Nam	01/10/2001	CẦN THƠ	Hoa	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	5.4	7.75	4.6	8.67	KHXH	SU:9.50	DI:9	GD:7.50	1,5		8,4	3	7.91	x			
49	092201007462	LƯU MINH HÒA	Nam	05/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7.8	6.25	6.6	5.5	KHTN	LI:6.25	HO:4.75	SI:5.50			7,5	1	6.83	x			
50	092201005675	TỬ VĨNH HÒA	Nam	19/02/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.8	6.25	8.8	5	KHTN	LI:6.50	HO:3.75	SI:4.75			8,4	1	7.57	x			
51	026028727	THỊNH VĂN HOAN	Nam	03/02/2001	THANH HÓA	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.6	6.5	9.4	5.83	KHTN	LI:7	HO:5.75	SI:4.75	1		9	1	8.01	x			
52	092201007400	HỒ MINH HOÀNG	Nam	16/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7.8	5.5	8.6	6.08	KHTN	LI:7.25	HO:6.50	SI:4.50			7,8	1	7.24	x			

Số thứ tự	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Mã trường_Tên trường	Xếp loại		Điểm số các bài thi										Điểm khuyến khích	Điểm TB lớp 12	Diện xét TN	Điểm xét tốt nghiệp	Kết quả thi		Ghi chú (mọi sửa chữa trong bảng phải được Chủ tịch Hội đồng thi ký xác nhận)
								HK	HL	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Bài thi tổ hợp	Tên bài tổ hợp	Điểm môn thi thành phần bài tổ hợp			Đỗ (Đ)	Hàng (H)							
53	092201006769	HỒ NGUYỄN HUY	Nam	06/12/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8	7.25	6.2	6.33	KHTN	LI:4.50	HO:7	SI:7.50	1,5	8,6	1	7.70	x				
54	092201002717	NGUYỄN VÕ PHI HÙNG	Nam	27/04/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.6	6.5	8.8	7.42	KHXH	SU:6.50	DI:8	GD:7.75		8,4	1	7.83	x				
55	092201003698	LÊ GIA HUY	Nam	05/11/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	6.2	7.5	9.6	9.17	KHXH	SU:9.25	DI:9	GD:9.25	2	9,3	1	8.82	x				
56	092201000650	LƯƠNG TRẦN XINH	Nam	21/09/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	5.6	6.25	4.2	8.33	KHXH	SU:6.75	DI:9.25	GD:9		7,2	1	6.43	x				
57	092201003019	LƯƠNG VINH GIA HUY	Nam	09/07/2001	BẾN TRE	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.8	6.5	8.2	7.42	KHTN	LI:8.75	HO:8	SI:5.50		8,9	1	8.08	x				
58	092201003202	NGUYỄN ĐĂNG HUY	Nam	01/07/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	6	6.25	5.8	6.92	KHTN	LI:8.25	HO:7	SI:5.50		7,6	1	6.65	x				
59	092201002074	THÁI QUANG HUY	Nam	10/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7.2	6.25	9.2	7.33	KHXH	SU:5.75	DI:7.50	GD:8.75		8,2	1	7.71	x				
60	092301002562	PHẠM NGỌC HUYỀN	Nữ	31/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7	8.5	6	7	KHXH	SU:5.50	DI:7.25	GD:8.25		8,1	1	7.42	x				
61	092301001900	NGUYỄN NGỌC DIỄM	Nữ	01/07/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.2	7	8.2	7.75	KHTN	LI:6	HO:8.50	SI:8.75		8,5	1	8	x				
62	092301007388	NGUYỄN THỊ NHƯ	Nữ	10/09/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	5.6	8	5.2	7.67	KHXH	SU:6.75	DI:7.75	GD:8.50	1,5	8,2	1	7.35	x				
63	092201002224	HỒ HOÀNG HÙNG	Nam	28/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.2	6.5	8.8	6.25	KHTN	LI:7.50	HO:4.50	SI:6.75		8,2	1	7.49	x				
64	092201002266	LÝ THỜI HÙNG	Nam	24/08/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9	4.25	7.6	6.08	KHTN	LI:8	HO:4.25	SI:6	1,5	8,6	1	7.56	x				
65	046201000107	TRẦN LÊ XUÂN HÙNG	Nam	18/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7.6	6.75	4.2	6.25	KHTN	LI:7.25	HO:6.50	SI:5		7,6	1	6.62	x				
66	092201003094	ĐÀO NGUYỄN DUY	Nam	24/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.2	8.25	6.2	8.33	KHTN	LI:8.50	HO:8.75	SI:7.75		8,7	1	8.03	x				
67	092201007075	TRẦN NGUYỄN DUY	Nam	13/06/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	5.6	6.25	10	6.17	KHTN	LI:4.25	HO:7.25	SI:7		8	1	7.30	x				
68	092201002847	VŨ ĐÌNH KHANG	Nam	13/10/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8	8.5	5.8	8.17	KHTN	LI:7.50	HO:9	SI:8	2	8,7	1	8.29	x				
69	092201003749	LƯU BẢO KHÁNH	Nam	26/02/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.2	7.5	6.4	5.75	KHTN	LI:7.50	HO:5	SI:4.75		8,1	1	7.30	x				
70	092301002426	NGUYỄN NGỌC KIM	Nữ	06/11/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8	8.25	9.4	6.25	KHTN	LI:7.25	HO:6	SI:5.50	1	9,2	1	8.52	x				
71	042201000030	ĐOÀN NGỌC MINH	Nam	16/04/2001	HÀ TĨNH	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.8	6.5	5.8	6.42	KHTN	LI:8.50	HO:6.50	SI:4.25		8,2	1	7.10	x				
72	092201001371	HOÀNG ĐỖ ĐĂNG KHOA	Nam	07/06/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.2	6.5	6.6	4.67	KHTN	LI:6.50	HO:3.75	SI:3.75		8,1	1	6.97	x				
73	092201006271	TRẦN LÊ MINH KHOA	Nam	17/09/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.4	7.25	6.2	8.08	KHTN	LI:7	HO:8.75	SI:8.50		8,5	1	7.79	x				
74	092201006691	TRẦN QUANG KHOA	Nam	28/10/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.2	6	8.8	4.42	KHTN	LI:5.75	HO:2.50	SI:5	1	8,3	1	7.46	x				
75	092201006028	ĐỖ ANH KHÔI	Nam	17/07/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8	6.75	7.4	5.92	KHTN	LI:4	HO:6	SI:7.75		8,4	1	7.43	x				
76	092201004170	LÊ ANH KHÔI	Nam	26/11/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9	6.75	8.6	6.42	KHTN	LI:7.75	HO:5.75	SI:5.75	2	9,1	1	8.46	x				
77	092201006890	NGUYỄN MINH KHÔI	Nam	24/07/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.4	7	8.4	6.17	KHTN	LI:6.25	HO:6.25	SI:6	1	8,8	1	7.88	x				
78	092201003181	TRẦN TUẤN KHÔI	Nam	30/12/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	5.8	8.25	8.4	6.17	KHXH	SU:4.25	DI:6	GD:8.25	1	8,6	1	7.76	x				
79	092201006967	LÊ DUY KIẾN	Nam	12/10/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	6.4	7.5	8.8	6.33	KHTN	LI:4.50	HO:6.25	SI:8.25	3,5	8,8	1	8.33	x				
80	092201006376	TRẦN VĂN KIẾN	Nam	15/08/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8	7	6.8	6.42	KHTN	LI:8.50	HO:4.25	SI:6.50		8,6	1	7.52	x				
81	092201000713	HÀ ANH KIẾT	Nam	09/04/2001	CẦN THƠ	Hoa	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9	7.25	10	5.92	KHTN	LI:7.25	HO:6.50	SI:4		8,5	2	8.43	x				
82	092301000240	VŨ THIÊN KIM	Nữ	10/07/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	4.8	8.5	5.4	8.5	KHXH	SU:8.50	DI:8.75	GD:8.25		7,9	1	7.13	x				
83	092201002996	TRẦN NGUYỄN GIA	Nam	11/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.6	7.75	4	6.42	KHTN	LI:7.25	HO:6.75	SI:5.25		8,5	1	7.23	x				
84	092301002492	PHẠM NGỌC LAM	Nữ	01/04/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.2	8.75	7.2	7	KHTN	LI:5.50	HO:7.25	SI:8.25	1	8,6	1	8.03	x				
85	092301003059	VŨ BUI NGỌC LÊ	Nữ	01/06/2001	TPHCM	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.4	9.5	5.6	7.17	KHTN	LI:4.75	HO:8	SI:8.75	1	8,6	1	8.12	x				
86	092201002757	PHẠM MINH LONG	Nam	03/04/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.2	7	7.8	5.42	KHTN	LI:6.25	HO:5	SI:5		8,2	1	7.43	x				
87	091201000110	TRẦN VŨ BẢO LONG	Nam	10/01/2001	KIẾN GIANG	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.4	9	8.6	7.5	KHTN	LI:8	HO:8.75	SI:5.75	1,5	9,3	1	8.74	x				
88	092301004814	NGUYỄN PHÚ QUỲNH	Nữ	24/11/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.6	7.25	9.2	6.67	KHTN	LI:7	HO:7	SI:6	1	8,8	1	8.37	x				
89	092201004720	ĐỖ CAO MINH	Nam	26/12/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7	6.75	9.2	7.17	KHXH	SU:5.25	DI:7.25	GD:9	1	8,5	1	8	x				
90	092201000640	LÊ CÔNG MINH	Nam	01/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.6	6.75	8	5.75	KHTN	LI:5	HO:6.50	SI:5.75		8,8	1	7.56	x				
91	364158386	NGUYỄN KHAI MINH	Nam	13/01/2001	HẬU GIANG	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.2	6.5	7.6	6.5	KHTN	LI:4.75	HO:7.75	SI:7		8,4	1	7.56	x				
92	092301000001	NGUYỄN XUÂN MINH	Nữ	14/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7.6	8.5	10	7.25	KHXH	SU:6	DI:7.25	GD:8.50		8,3	1	8.33	x				
93	092301002466	TRẦN PHƯƠNG MINH	Nữ	08/08/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.4	6	8.6	5.92	KHTN	LI:7.75	HO:5	SI:5		8,8	1	7.70	x				
94	381913913	LÂM DIỄM MY	Nữ	17/06/2001	CÁ MAU	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.4	7.5	4.4	8.08	KHXH	SU:9	DI:7	GD:8.25	2	8,7	1	7.75	x				
95	079301019166	NGUYỄN HUỲNH HẢI	Nữ	22/06/2001	TPHCM	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7.2	7.25	5.8	5.75	KHTN	LI:5.75	HO:6	SI:5.50		8,1	1	6.98	x				
96	092301003448	ĐẶNG KIỀU MỸ	Nữ	26/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9.4	6	8.8	6.08	KHTN	LI:4.75	HO:8	SI:5.50	1	8,6	1	8.05	x				
97	092201002736	ĐƯƠNG NHẬT NAM	Nam	22/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9.4																

Số thứ tự	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Mã trường_Tên trường	Xếp loại		Điểm số các bài thi							Điểm khuyến khích	Điểm TB lớp 12	Diện xét TN	Điểm xét tốt nghiệp	Kết quả thi		Ghi chú (mọi sửa chữa trong bảng phải được Chủ tịch Hội đồng thi ký xác nhận)
								HK	HL	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Bài thi tổ hợp	Tên bài tổ hợp	Điểm môn thi thành phần bài tổ hợp	Đỗ (Đ)					Hàng (H)		
112	092301005591	LÊ NHƯ NGỌC	Nữ	09/09/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	6.8	8	7.4	5.5	KHTN	LI:6.25	HO:4.50	SI:5.75	2	8,9	1	7.87	x	
113	092301006180	NGÔ THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	18/09/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.6	7	5.8	6.67	KHTN	LI:5	HO:7.50	SI:7.50	1	8,7	1	7.70	x	
114	092301004972	NGUYỄN ANH HỒNG	Nữ	29/10/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9	8.75	6.2	6.92	KHTN	LI:5.50	HO:7.25	SI:8	1,5	8,9	1	8.33	x	
115	092301006886	NGUYỄN THỊ MINH	Nữ	05/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	4.6	8.5	6	6.08	KHXH	SU:3.75	DI:6.25	GD:8.25		7,6	1	6.69	x	
116	092301004215	PHẠM HUỲNH NHƯ	Nữ	21/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7.4	8	4.8	6.75	KHXH	SU:5.50	DI:6.25	GD:8.50		7,7	1	7.03	x	
117	092301006282	MẠI TRẦN XUÂN	Nữ	12/01/2001	CẦN THƠ	Kho-	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	4.6	7	5	5.83	KHTN	LI:5.50	HO:5.75	SI:6.25		7,3	2	6.37	x	
118	092301003557	NGUYỄN BÌNH NGUYỄN	Nữ	28/11/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7	9	9.4	6.08	KHTN	LI:4.50	HO:6	SI:7.75	2	8,6	1	8.44	x	
119	092201007867	TRỊNH VÕ MINH NHẬT	Nam	17/10/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7.4	7	8.4	5.08	KHTN	LI:5.75	HO:6.25	SI:3.25		7,6	1	7.16	x	
120	094301000039	CAO XUÂN NHỊ	Nữ	13/02/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8	6.75	7.2	6.25	KHTN	LI:7.50	HO:6.25	SI:5		8,3	1	7.43	x	
121	092301003236	NGUYỄN TRẦN YẾN NHỊ	Nữ	11/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7.2	7.25	5.2	5.67	KHXH	SU:3.25	DI:6.25	GD:7.50		7,8	1	6.77	x	
122	092301001406	PHAN HẢI NHỊ	Nữ	23/07/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.8	7.5	8.2	5.33	KHTN	LI:7	HO:4.75	SI:4.25		8,5	1	7.60	x	
123	092301005684	TRẦN BÌNH NHỊ	Nữ	08/10/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9	6.5	9.2	6.25	KHTN	LI:8	HO:5.75	SI:5		8,5	1	7.97	x	
124	092301003038	TRẦN LÊ QUỲNH NHỊ	Nữ	11/04/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7	7	7.6	5.67	KHTN	LI:4.75	HO:6.50	SI:5.75		8,1	1	7.20	x	
125	092301000127	TĂNG TÂM NHƯ	Nữ	14/04/2001	CẦN THƠ	Hoa	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.8	6.25	3.8	6.83	KHTN	LI:4.75	HO:7.75	SI:8		8,3	2	7.06	x	
126	092201000060	HUỲNH MINH NHỰT	Nam	25/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8	7.25	9.8	7.17	KHTN	LI:7.75	HO:6.25	SI:7.50	1,5	9,3	1	8.69	x	
127	092201002792	BUI HIỆP PHONG	Nam	02/07/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9.4	5.5	5.6	7.5	KHTN	LI:4.25	HO:9.50	SI:8.75	2	8,8	1	7.89	x	
128	092201003843	NGUYỄN THANH	Nam	03/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.6	8	5.8	7	KHTN	LI:3.25	HO:8.50	SI:9.25		8,9	1	7.82	x	
129	092201002791	BUI HIỆP PHÚ	Nam	02/07/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.6	8	7	7.83	KHTN	LI:5.25	HO:8.75	SI:9.50		8,8	1	8.14	x	
130	092201001543	LÊ MINH PHÚC	Nam	11/09/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	K	G	8	4.75	5.6	6.5	KHTN	LI:7.50	HO:8	SI:4		8,1	1	6.78	x	
131	086201000164	NGÔ HỒNG PHÚC	Nam	18/07/2001	SÓC TRĂNG	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7	7	10	5.08	KHTN	LI:5.25	HO:5.25	SI:4.75		8,6	1	7.67	x	
132	092201004115	HỒ THẾ PHƯƠNG	Nam	30/11/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8	6	4.8	6.33	KHTN	LI:5.25	HO:6.25	SI:7.50		8,4	1	6.92	x	
133	092301004591	LÂM THỊ YẾN PHƯƠNG	Nữ	09/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.6	7.25	4.4	7.92	KHXH	SU:8.50	DI:6	GD:9.25	2	8,6	1	7.68	x	
134	092301006008	LÝ MỸ PHƯƠNG	Nữ	13/04/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.8	8.75	10	7.58	KHXH	SU:7.25	DI:8	GD:7.50	2	9	1	9.02	x	
135	086301000187	PHAN UYÊN PHƯƠNG	Nữ	16/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8	9	8	6.75	KHTN	LI:6.25	HO:7.50	SI:6.50		9	1	8.26	x	
136	092201000139	PHAN THANH QUANG	Nam	10/04/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9.4	6.25	4.8	7.08	KHTN	LI:5.50	HO:7.50	SI:8.25		8,5	1	7.37	x	
137	092201004184	ĐỒNG LÊ MINH QUÂN	Nam	24/04/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.4	7	9.6	6.58	KHTN	LI:6.25	HO:7.25	SI:6.25	1,5	8,7	1	8.40	x	
138	092201003513	LÊ VĂN QUÝ	Nam	10/02/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.4	8.5	5.4	7.75	KHXH	SU:7	DI:8.25	GD:8		8,4	1	7.60	x	
139	092301005924	ĐỖ NHƯ QUỲNH	Nữ	20/11/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.8	6.75	3	8.25	KHTN	LI:6.25	HO:9	SI:9.50		8	1	7.09	x	
140	092201004411	CHÁU QUANG SANG	Nam	20/04/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	8.2	6.25	4	7.25	KHTN	LI:8.25	HO:7.75	SI:5.75		7,9	1	6.87	x	
141	092201003240	NGUYỄN HOÀNG SƠN	Nam	27/12/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.6	7.5	8.4	7.33	KHTN	LI:7.75	HO:9	SI:5.25		8,5	1	8.12	x	
142	092201004314	TRẦN PHÚ SỸ	Nam	10/07/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9.2	6.75	4.6	6.42	KHTN	LI:3.25	HO:7.75	SI:8.25	1	8,7	1	7.50	x	
143	092201005641	VÕ HỮU TÀI	Nam	23/07/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.6	7	5.2	7.58	KHTN	LI:5	HO:9.25	SI:8.50		8,5	1	7.52	x	
144	092201007141	PHẠM THANH TÂM	Nam	26/10/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9	7.5	3.4	7.5	KHTN	LI:8.25	HO:7	SI:7.25		8,9	1	7.47	x	
145	092301001976	TRƯƠNG NHẢ MINH	Nữ	01/10/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8	8	10	6.42	KHTN	LI:4.75	HO:7.50	SI:7	2	9,4	1	8.84	x	
146	092201004046	NGÔ MINH TẤN	Nam	31/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.6	7.25	8.8	4.42	KHTN	LI:6.50	HO:3.50	SI:3.25		8,1	1	7.34	x	
147	086201000083	NGUYỄN MẠNH TẤN	Nam	02/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.2	6.75	8.8	6.5	KHTN	LI:6.75	HO:7.50	SI:5.25	1	8,5	1	7.84	x	
148	092201004815	NGUYỄN THANH NHẬT	Nam	21/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9	8.25	8.4	7.92	KHTN	LI:6.25	HO:8	SI:9.50	1	8,7	1	8.66	x	
149	092201005321	PHẠM VĂN TẤN	Nam	31/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.6	8.25	4.8	6.67	KHTN	LI:5.25	HO:7.50	SI:7.25		8,6	1	7.36	x	
150	092201003544	LƯU GIA THÁI	Nam	02/09/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.6	7	6.8	6.75	KHTN	LI:8.75	HO:7	SI:4.50		8,5	1	7.65	x	
151	092201007038	NGUYỄN MINH THÁI	Nam	26/06/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	6.2	7.5	5	7.83	KHTN	LI:7.75	HO:7.75	SI:8	3	9,1	1	7.90	x	
152	092201003115	CHU ĐÌNH THANH	Nam	09/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.8	7.25	5.6	6.67	KHTN	LI:4.50	HO:8	SI:7.50		8,5	1	7.33	x	
153	092201002144	LÊ NGUYỄN NHẬT	Nam	19/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.8	7.25	8	6.83	KHTN	LI:3	HO:9.25	SI:8.25		8,6	1	7.98	x	
154	092301007476	NGUYỄN HẢI PHƯƠNG	Nữ	26/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7.6	5.75	4.2	5	KHTN	LI:6.50	HO:3.75	SI:4.75		8,1	1	6.38	x	
155	092301000354	PHẠM KIM NGUYỆT	Nữ	30/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.2	8.75	10	7.42	KHTN	LI:5.75	HO:8	SI:8.50		8,8	1	8.65	x	
156	092301002631	PHAN THỊ KIM THANH	Nữ	04/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013																

Số thứ tự	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Mã trường_Tên trường	Xếp loại		Điểm số các bài thi							Điểm khuyến khích	Điểm TB lớp 12	Diện xét TN	Điểm xét tốt nghiệp	Kết quả thi		Ghi chú (mọi sửa chữa trong bảng phải được Chủ tịch Hội đồng thi ký xác nhận)
								HK	HL	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Bài thi tổ hợp	Tên bài tổ hợp	Điểm môn thi thành phần bài tổ hợp	Đỗ (Đ)					Hổng (H)		
171	092301006759	TRẦN MINH THU'	Nữ	05/10/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7	9,5	7,2	7,5	KHXH	SU:5.75	DI:8.75	GD:8	2	8,9	1	8.48	x	
172	364101391	HUYỀN HOÀNG	Nam	20/06/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.4	8.5	7.6	6.5	KHTN	LI:6	HO:7.25	SI:6.25		8,8	1	7.89	x	
173	092301000712	NGUYỄN THỊ CẨM TIẾN	Nữ	14/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.4	8.25	6	6.67	KHTN	LI:7.75	HO:7	SI:5.25	1	8,5	1	7.86	x	
174	092201006074	ĐĂNG VIỆT TIẾN	Nam	08/06/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	8.2	7.75	6.6	7.25	KHXH	SU:6	DI:7.50	GD:8.25		8,2	1	7.68	x	
175	092201006115	NGUYỄN HỮU TIẾN	Nam	23/08/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.2	8	6.8	8	KHXH	SU:7.25	DI:8.50	GD:8.25	1,5	8,5	1	8.06	x	
176	092201002491	PHẠM THANH TIẾN	Nam	20/07/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.8	6.75	7.6	6	KHTN	LI:6.75	HO:5.25	SI:6		8,2	1	7.39	x	
177	092201003196	TRÌNH QUANG TIẾN	Nam	21/11/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.6	7	8.8	7.17	KHTN	LI:8.50	HO:6.75	SI:6.25	1	9,2	1	8.46	x	
178	092201003502	HUYỀN CHÁNH TÍN	Nam	20/07/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.8	8	3.4	7.17	KHTN	LI:4.25	HO:8.25	SI:9	2,5	8,9	1	7.90	x	
179	092201000939	PHAN THÔNG TRUNG	Nam	27/08/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	6.6	6.5	8.6	4.33	KHTN	LI:2.75	HO:4	SI:6.25		7,7	1	6.87	x	
180	092201002939	TRẦN QUỐC TOAI	Nam	05/12/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.6	7.75	10	7.92	KHXH	SU:6.75	DI:7.75	GD:9.25	2	9,3	1	8.96	x	
181	092201001429	LÊ MINH TOÀN	Nam	09/10/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.4	7	6.8	6.5	KHTN	LI:7.75	HO:7.75	SI:4		8,1	1	7.45	x	
182	092201000699	TRẦN KHÁNH TOÀN	Nam	14/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.4	5	9	6	KHTN	LI:7.75	HO:6	SI:4.25	1	8,7	1	7.76	x	
183	092201001952	VÕ ĐỨC TOÀN	Nam	27/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9.4	8	5.4	6.92	KHTN	LI:7.50	HO:8	SI:5.25		8,9	1	7.87	x	
184	092301006396	PHẠM THỊ HƯƠNG TRÀ	Nữ	28/04/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9	7	4.8	6.33	KHTN	LI:4	HO:7.50	SI:7.50		8,5	1	7.30	x	
185	092301004111	ĐOÀN LÊ ĐOÀN TRANG	Nữ	26/06/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7.6	6.75	6.8	6.67	KHTN	LI:6.25	HO:6.75	SI:7		8,1	1	7.30	x	
186	092301006248	MINH THỊ THUY TRANG	Nữ	04/08/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.2	7.75	4.6	6.17	KHTN	LI:3	HO:7.25	SI:8.25		8	1	6.90	x	
187	092301004426	THÁI NGUYỄN MINH	Nữ	25/08/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	6.2	7.25	5.4	5.42	KHTN	LI:5.50	HO:6.75	SI:4		7,8	1	6.59	x	
188	092301007454	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	07/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	K	K	5.6	8.25	8.2	7	KHXH	SU:7.25	DI:6.25	GD:7.50		7,7	1	7.39	x	
189	049301000118	PHẠM TRẦN BẢO TRÂM	Nữ	29/08/2001	QUẢNG NAM	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	6.8	7.25	6	6.75	KHTN	LI:7.75	HO:7.25	SI:5.25	1	7,9	1	7.24	x	
190	092301000482	TÔ BÍCH TRÂM	Nữ	12/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.8	8.25	8.8	7.58	KHTN	LI:6	HO:8.50	SI:8.25	1	9,3	1	8.82	x	
191	092301003933	BÙI THAI HẢI TRẦN	Nữ	29/08/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.8	8	9	4.75	KHTN	LI:2.75	HO:4	SI:7.50		8,5	1	7.72	x	
192	092301002124	NGUYỄN KỲ TRẦN	Nữ	15/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	7.4	7.25	8.2	6.42	KHXH	SU:4.25	DI:7	GD:8		7,9	1	7.49	x	
193	092301004112	VÕ NGỌC BẢO TRẦN	Nữ	15/08/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	6.8	8.75	6.2	5.33	KHTN	LI:4.75	HO:6.25	SI:5		8,1	1	7.17	x	
194	092201001468	ĐINH MINH TRIẾT	Nam	21/10/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	5.2	8	7.2	7.5	KHXH	SU:6.50	DI:8.25	GD:7.75		7,6	1	7.16	x	
195	083301000127	NGUYỄN BUI THANH	Nữ	09/04/2001	BẾN TRE	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9.2	7.75	8.2	4.75	KHTN	LI:2.25	HO:5.75	SI:6.25		8,6	1	7.81	x	
196	091201000126	HUYỀN MINH TRƯỜNG	Nam	09/09/2001	KIÊN GIANG	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	9	6.5	8.6	7	KHTN	LI:8	HO:7.25	SI:5.75	1,5	8,4	1	8.23	x	
197	092201003747	LÊ VĂN TRƯỜNG	Nam	18/11/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	6.4	6	3.2	5.75	KHTN	LI:6.25	HO:5.50	SI:5.50		7,6	1	6.02	x	
198	092201002287	ĐINH DUY TUẤN	Nam	12/06/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	6.8	7	4.2	4.42	KHTN	LI:7.25	HO:3.25	SI:2.75		7,9	1	6.29	x	
199	092201002578	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	Nam	04/08/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	2.8	7	6.6	8.17	KHXH	SU:6.75	DI:9.25	GD:8.50	2	8,6	1	7.23	x	
200	092201001528	PHẠM LINH TUẤN	Nam	12/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	8.6	6	4.2	6.17	KHTN	LI:7.25	HO:5.50	SI:5.75		7,7	1	6.68	x	
201	092201000740	TRƯƠNG MINH TUẤN	Nam	22/09/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.6	7.75	6.8	7.17	KHTN	LI:7	HO:8.75	SI:5.75		8,2	1	7.59	x	
202	086301000001	NGUYỄN BUI TRÚC	Nữ	12/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	6.8	7.5	10	5.75	KHTN	LI:5.25	HO:6	SI:6	1,5	8,1	1	7.95	x	
203	092301003682	NGUYỄN CẨM UYÊN	Nữ	26/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.4	8	8.8	7.33	KHTN	LI:8	HO:8	SI:6		8,8	1	8.33	x	
204	092301003225	NGUYỄN PHƯƠNG	Nữ	22/06/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.4	5.5	7.4	6.5	KHTN	LI:7.25	HO:6.75	SI:5.50		8,1	1	7.12	x	
205	092301001198	TRẦN VÕ TỔ UYÊN	Nữ	24/06/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	8.6	5	7.4	6.25	KHTN	LI:3.25	HO:8.25	SI:7.25		7,9	1	7.14	x	
206	092301002946	NGUYỄN THỊ THUY VÂN	Nữ	15/01/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.6	8	5.6	7.58	KHXH	SU:7.50	DI:6.25	GD:9		8,5	1	7.76	x	
207	092301006127	TRẦN LÊ TƯỜNG VỊ	Nữ	16/04/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.2	8.5	8.2	6.17	KHTN	LI:3.75	HO:8.25	SI:6.50	1	8,3	1	8.10	x	
208	092201005367	NGUYỄN ANH VŨ	Nam	06/11/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.2	7.5	8.6	6.17	KHTN	LI:6	HO:7	SI:5.50	2	9,1	1	8.24	x	
209	092301004607	NGÔ TRÚC TƯỜNG VY	Nữ	16/03/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.6	8	6.8	7.08	KHTN	LI:8.50	HO:7.75	SI:5		8,3	1	7.65	x	
210	089301000234	NGUYỄN THUY VY	Nữ	26/03/2001	AN GIANG	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.4	8.25	6.8	7.25	KHXH	SU:7	DI:8	GD:6.75		8,2	1	7.66	x	
211	092301004108	TRẦN NGUYỄN TRÚC VY	Nữ	06/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.4	8.5	7.2	5.67	KHTN	LI:7.25	HO:5.25	SI:4.50		8	1	7.43	x	
212	092301005950	TRẦN PHƯƠNG VY	Nữ	19/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.8	8.5	9.4	6.67	KHTN	LI:7.75	HO:5.75	SI:6.50	1,5	9,2	1	8.86	x	
213	092201004589	TRƯƠNG QUỐC VY	Nam	20/09/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	K	G	7.8	6.25	8.6	5.33	KHTN	LI:7.75	HO:3.25	SI:5		8,1	1	7.33	x	
214	092301006715	NGUYỄN TRẦN ÁI XUÂN	Nữ	29/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	8.2	7	6.6	7.25	KHTN	LI:6.25	HO:7.75	SI:7.75		8,4	1	7.60	x	
215	092301003252	HUYỀN NGUYỄN NHƯ Ý	Nữ	12/11/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.8	8.25	5.2	8.42	KHXH	SU:7.50	DI:9.50	GD:8.25	1,5	8,9	1	8.12	x	

Số thứ tự	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Mã trường_Tên trường	Xếp loại		Điểm số các bài thi							Điểm khuyến khích	Điểm TB lớp 12	Diện xét TN	Điểm xét tốt nghịệp	Kết quả thi		Ghi chú (mọi sửa chữa trong bảng phải được Chủ tịch Hội đồng thi ký xác nhận)
								HK	HL	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Bài thi tổ hợp	Tên bài tổ hợp	Điểm môn thi thành phần bài tổ hợp	Đỗ (Đ)					Hổng (H)		
216	092301003345	NGUYỄN NHƯ YẾN	Nữ	16/11/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	G	7.8	8.25	4.8	7.17	KHTN	LI:5.50	HO:7.50	SI:8.50	1	8,1	1	7.51	x	
217	092301003026	NGUYỄN HAI YẾN	Nữ	17/11/2001	CẦN THƠ	Kinh	013 - THPT Chuyên Lý Tự Trọng	T	K	5.8	7.25	5.2	6.17	KHTN	LI:7.75	HO:7.25	SI:3.50		7,8	1	6.61	x	

Phân xác nhận : chia làm 2 phần

Phần 1: XÁC NHẬN VÀ XÉT TỐT NGHIỆP CỦA HỘI ĐỒNG XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

- Bảng này có: 217 thí sinh dự thi;
- Được công nhận tốt nghiệp: 217 TS. Trong đó: Diện ưu tiên 2 có: 5 TS; + Diện ưu tiên 3 có: 1 TS.
- Không tốt nghiệp: 0 TS.

NGƯỜI ĐỌC VÀ SOÁT BẢN IN

Lê Huỳnh Cương

Lê Huỳnh Cương

Phần 2: DUYỆT KẾT QUẢ TỐT NGHIỆP CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Được công nhận tốt nghiệp: 217 TS
- Trong đó: + Diện ưu tiên 2 có: 5 TS
- + Diện ưu tiên 3 có: 1 TS.

CÁN BỘ XÉT DUYỆT

Lê Thị Thùy Dung

Lê Thị Thùy Dung

Cần Thơ, Ngày 14 tháng 7 năm 2019
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP



Trần Hồng Thắm
GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO